TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 8-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Néang Sâm Bô.
2. Bà Vanh Si Tha.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2023 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXX- DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1993; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp VP, xã LQ, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp VH, xã VG, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà T có mặt; ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/5/2023 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông N được hình thành là do tự tìm hiểu, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai chúng tôi vào tháng 11 năm 2020, hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2019 tại UBND xã LQ, huyện TT, tỉnh An Giang. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, sau khi cưới vợ chồng cùng lên tỉnh Bình Dương làm công nhân, nhưng khi bà mang thai đến tháng thứ 7 thì ông N đã không quan tâm đến bà, mọi công việc và

chi tiêu trong gia đình, ông N bỏ mặc cho bà lo. Khi bà sinh con đến tháng thứ 6 ông N cũng nghỉ việc về quê nhà và vợ chồng tiếp tục gây cải và ly thân nhau đến nay, hiện tại con chung được 22 tháng nhưng ông N cũng không một lời thăm hỏi mà chỉ nhắn tin chửi mắn bà cùng gia đình với những lời lẽ khó nghe, dù bà cố chịu đựng để mong ông có ngày thay đổi, nhưng ông vẫn tính nào tật ấy. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Bà với ông N có 01 con chung tên Lê Khả Á, sinh ngày 26/7/2021. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông N không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Tôi với ông N không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Lê Văn N để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà T – ông N chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông N không quan tâm đến bà, mọi công việc và chi tiêu trong gia đình, ông N bỏ mặc cho bà lo..lại còn nhắn tin xúc phạm bà và hai người ly thân đã lâu nên bà T xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi là phù hợp, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà T khởi kiện ly hôn với ông Nhờ, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông N có địa chỉ cư trú tại huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T – ông N kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2019, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 17 ngày 01/7/2019, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông N không quan tâm đến bà, mọi công việc và chi tiêu trong gia đình, ông N bỏ mặc cho bà lo..lại còn nhắn tin xúc phạm bà…

Qua trình bày của bà T, mặc dù ông N vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào ngày 11/7/2023 của Tòa án thể hiện: Hôn nhân giữa bà T – ông N hình thành đúng như hai bên trình bày, nhưng bản thân hai người chung sống nhau chỉ thời gian ngắn thì mâu thuẫn và ly thân nhau do ông N lười lao động, chỉ lo ăn nhậu và không quan tâm nhau, liên lạc với nhau, khã năng đoàn tụ lại là không thể…

Với chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa bà T – ông N đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, cháu Lê Khả Á từ khi sinh đến nay, cháu Á là do bà T nuôi, cháu Á chưa đủ 03 tuổi, nên rất cần sự chăm sóc của bà T. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu Á cho bà T tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho bà T biết: Trong thời gian nuôi con, bà T cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông N trong việc tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại Tòa bà T không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà T khai bà với ông N không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông N vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cặp ở phần quyết định. Nếu sau này ông N có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và ông N có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí*: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị T tiếp tục nuôi con chung tên Lê Khả Á, sinh ngày 26/7/2021.

Công nhận tự nguyện của bà Lê Thị T không yêu cầu ông Lê Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010069 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*bà T nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã LQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ